

Số: GP-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2745/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Trang trại chăn nuôi, sản xuất rau, hoa quả sạch Ngôi Sao tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư phát triển Nông thôn Miền Tây;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 32/CV-MT ngày 15/9/2022 của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư phát triển Nông thôn Miền Tây về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Trang trại chăn nuôi, sản xuất rau, hoa quả sạch Ngôi Sao tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 958/TTr-STNMT ngày 04 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép môi trường cho Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư phát triển Nông thôn Miền Tây, địa chỉ tại Bản Chiềng Còng, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, Tỉnh Thanh Hoá được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: Trang trại chăn nuôi, sản xuất rau, hoa quả sạch Ngôi Sao tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Trang trại chăn nuôi, sản xuất rau, hoa quả sạch Ngôi Sao tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 2800864570 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 29/7/2005; cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 20/01/2022.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 2800864570.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh: Chăn nuôi gia súc và sản xuất rau, hoa quả sạch.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích toàn bộ khu vực dự án: 265.787,63 m².

- Công suất: Lợn nái 6.000 con/năm (gồm 02 khu trại lợn nái 2,400 con và khu trại lợn nái 3.600 con), lợn con 150.000 con/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư phát triển Nông thôn Miền Tây:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư phát triển Nông thôn Miền Tây có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành

các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu mùi hôi, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **7 năm.**

(từ ngày 15 tháng 11 năm 2022 đến ngày 15 tháng 11 năm 2029).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Thọ Xuân và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư phát triển Nông thôn Miền Tây (để t/h);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Thọ Xuân (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan
- Lưu: VT, PgNN.

TM. UBND TỈNH THANH HÓA
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên trang trại bao gồm: Nước thải qua bể tự hoại như từ bồn cầu, bồn tiểu; nước tắm, rửa, giặt phát sinh từ khu vệ sinh của Nhà văn phòng điều hành, lưu lượng lớn nhất 14,4 m³/ngày đêm. Nước thải được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 600 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải chăn nuôi phát sinh từ khu vực các chuồng nuôi, từ các hệ thống xử lý khí thải chuồng nuôi, lưu lượng lớn nhất 357,75m³/ngày đêm. Nước thải được xử lý sơ bộ tại các hầm biogas, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 600 m³/ngày.đêm để xử lý.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe thoát nước chung của khu vực chảy qua Làng Bài, xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa phía Nam trang trại về xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân.

2.2. Vị trí xả thải:

Vị trí xả nước thải vào khe thoát nước thải chung của khu vực tại làng Bái, xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Toạ độ (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105, múi chiều 3⁰): X= 2196618; Y=541825).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 372 m³/ngày đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải có công suất 600m³/ngày đêm được dẫn ra các hồ sinh học, sau đó tự chảy qua đường ống PVC, DN200 ra khe thoát nước chung của khu vực làng Bái, xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước

thải chăn nuôi (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	81		
3	COD	mg/l	243		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	121,5		
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	121,5		
6	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải phát sinh được đưa về hệ thống xử lý:

- Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt bao gồm:

+ Nước thải từ các nhà vệ sinh → Các bể tự hoại 03 ngăn → PCV, DN200 → PCV, DN300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 600 m³/ngày đêm.

+ Nước thải từ các nhà ăn → Các tách dầu mỡ → PCV, DN200 → PCV, DN300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 600 m³/ngày đêm.

+ Nước tắm, giặt của CBCNV → PCV, DN200 → Hồ sinh thái trong khuôn viên Dự án.

- Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất (chăn nuôi) bao gồm:

+ Nước thải từ các chuồng nuôi Khu trại số 1 → PCV, DN200 → PCV, DN300 → Hồ thu phân → Biogas số 1 → PCV, DN300 → Biogas số 2 → Biogas số 3 → Hồ trung gian → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 600 m³/ngày đêm.

+ Nước thải từ các chuồng nuôi Khu trại số 2 → PCV, DN200 → PCV, DN300 → Hồ thu phân → Biogas số 2 → Biogas số 3 → Hồ trung gian → Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 600 m³/ngày đêm.

+ Cặn và nước thải từ quá trình xử lý mùi chuồng nuôi định kỳ → PVC DN300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 600 m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại, bể tách dầu mỡ → Đường ống thu gom → Hồ trung gian → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 600m³/ngày đêm.

+ Nước thải sản xuất (chăn nuôi) → Hệ thống đường ống thu gom → Hồ thu phân → Các hầm bioga phủ và lót bạt HDPE → Hồ trung gian → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 600m³/ngày đêm.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Nước thải từ Hồ trung gian → Tháp stripping → Bể trung hoà pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể Anoxic A → Bể Aerotank A → Bể Anoxic B → Bể Aerotank B → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hồ sinh học → Khe thoát nước trang trại phía Nam trang trại.

- Công suất thiết kế: 600 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: BIO-S, DW97, DW98, phèn nhôm, polymer, H₂SO₄, NaOH, Chlorine (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt .

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 600m³/ngày đêm, gấp 1,5 lần tổng lưu lượng nước thải phát sinh của dự án để đảm bảo an toàn xử lý nước thải sau khi xảy ra sự cố.

- Đầu tư xây dựng Hồ sinh học số 1, kết hợp hồ sự cố nước thải có dung tích 12.375 m³ để chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố. Hồ có thiết kế hệ thống hai van cho 02 đường ống vào và đường ống ra; chiều cao dự phòng là 0,5m; thể tích chứa nước tối thiểu trong trường hợp sự cố là 825m³ đủ để chứa nước thải ít nhất 2 ngày.

- Lắp đặt máy bơm chìm nước thải có công suất 2,2KW (3HP) và đường ống để có thể bơm nước thải từ hồ sự cố về đầu vào của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Lắp đặt đường ống xả thải cùng van đóng mở từ Bể trung gian về hồ sự cố để xả thải nước thải chưa xử lý về hồ sự cố khi thống xử lý nước thải gặp sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra để kiểm soát lưu lượng xả thải.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố; đồng thời, ngừng tiếp nhận nuôi lợn lứa tiếp theo

+ Nếu sự cố không đến mức nghiêm trọng, công nhân dừng vận hành hệ thống, đóng van xả thải nước thải ra môi trường của Hồ sinh học (Hồ sự cố), đồng thời mở van xả nước thải từ bể trung gian của hệ thống xử lý nước thải (bể chứa nước đầu vào hệ thống xử lý nước thải) để xả nước thải ra hồ sự cố lưu giữ không thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm là 04 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.3 Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống bể biogas, Hệ thống xử lý nước thải công suất 600 m³/ngày.đêm.

2.4. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải tại hồ trung gian trước khi vào hệ thống xử lý nước thải.

- Mẫu nước thải tại hồ sinh học chứa nước thải sau hệ thống xử lý nước thải.

2.5. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này.

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Sau thời gian tối đa 2 tháng kể từ ngày bắt đầu cho phép vận hành thử nghiệm mới được dẫn nước thải sau hầm biogas về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý và phục vụ công tác lấy mẫu đánh giá nhưng phải đảm bảo thời gian vận hành thử nghiệm theo quy định.

3.2. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thọ Xuân để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3.3. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định theo quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi tái sử dụng hoặc xả thải ra môi trường.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng từ khu trại số 01 (quy mô 2.400 con lợn nái), lưu lượng 1.241m³/giờ.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng từ khu trại số 02 (quy mô 3.600 con lợn nái), lưu lượng 1.241m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Nguồn số 01: Ống khói của máy phát điện dự phòng tại Khu trại số 01 với tọa độ vị trí xả khí thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°): X = 2196938; Y = 542132.
- Nguồn số 02: Ống khói của máy phát điện dự phòng tại Khu trại số 02 với tọa độ vị trí xả khí thải (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°): X = 2197334; Y = 541722.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.241m³/giờ
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.241m³/giờ.

2.3. Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 01: Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói, xả không liên tục (chỉ xả khi vận hành máy phát điện).
- Dòng khí thải số 02: Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói, xả không liên tục (chỉ xả khi vận hành máy phát điện).

2.4. Chất lượng khí thải sau xử lý:

Chất lượng khí thải của các dòng khí thải trước khi xả ra môi trường bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số k_p = 1, hệ số k_v = 1, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ
2	NO ₂	mg/Nm ³	850	

3	SO ₂	mg/Nm ³	500	theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
4	CO	mg/Nm ³	1000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý khí thải kèm theo máy phát điện, sau đó được dẫn qua ống khói cao 4,0 m xả ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng: Được xử lý bằng hệ thống đầu tư đồng bộ với thiết bị máy trước khi thải ra môi trường

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của máy phát điện để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Định kỳ hằng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Trang bị thiết bị theo dõi, báo khí biogas tự động và xả khí biogas tự động đối với hầm biogas phủ bạt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại mục 2.4 phần A của Phụ lục này.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Đối với mùi, khí thải từ các chuồng nuôi: Phía cuối dãy mỗi ô chuồng nuôi sau quạt hút mùi lắp đặt hệ thống các ống nhựa PVC đường kính DN21mm có gắn vòi phun sương, khoảng cách giữa các vòi vun là 0,5m. Khoảng cách giữa ống dẫn nước đến khu chuồng nuôi là 0,5m; sử dụng máy bơm với công suất 370W để bơm cấp nước cho giàn phun sương; trong nước phun giảm mùi có bổ sung chế phẩm xử lý mùi EM (lưu lượng pha 1 lít chế phẩm EM/1m³). Nước từ các giàn phun sương được thu gom, tuần hoàn tái sử dụng.

- Đối với khí thải sinh học từ hầm Biogas được thu gom phục vụ nhu cầu sử dụng của trang trại, phần không sử dụng hết được thu gom qua thiết bị đốt (không thải khí sinh học ra môi trường; thường xuyên kiểm tra các hầm Biogas để phát hiện bị rò rỉ do rách bạt thì tiến hành vá ngay.

- Đối với mùi, khí thải phát sinh từ hệ thống thu gom xử lý nước thải: Hệ thống xử lý chất thải phải được xây dựng kiên cố và đủ công suất để xử lý; định kỳ hút bùn cặn trong hầm Biogas và ao sinh học để đảm bảo dung tích chứa và xử lý nước thải; hệ thống thu gom và xử lý nước thải kín tránh sự phát tán mùi hôi; thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối,...

- Đối với khí thải phát sinh từ quá trình chứa và ủ phân: Định kỳ phun chế phẩm sinh học để khử mùi; tiến hành ủ phân ngay khi thu gom vận chuyển về nhà chứa phân theo đúng quy trình kỹ thuật của quá trình ủ phân nhiệt.

- Đối với từ kho chứa thức ăn: Xây dựng kho chứa thức ăn, nguyên liệu, riêng biệt đảm bảo thông thoáng và khô ráo có mái che, chống nắng nóng, mưa dột và có hệ thống thông gió tốt để tránh phát sinh mùi, gây cảm giác khó chịu trong khuôn viên trang trại.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /11/2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

1.1. Nguồn số 01: Máy bơm, máy nén khí, máy thổi khí phục vụ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Nguồn số 02: Tiếng ồn và độ rung khi vận hành máy phát điện dự phòng tại Khu trại số 1 (quy mô 2.400 con lợn nái)

1.3. Nguồn số 03: Tiếng ồn và độ rung khi vận hành máy phát điện dự phòng tại Khu trại số 1 (quy mô 2.400 con lợn nái)

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí tại nguồn số 1: Tại Làng Bái, xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa với toạ độ (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105° , múi chiếu 3°): X = 2197103; Y = 542031.

- Vị trí tại nguồn số 2: Tại Làng Bái, xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa với toạ độ (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105° , múi chiếu 3°): X = 2196938; Y = 542132.

- Vị trí tại nguồn số 3: Tại Làng Bái, xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa với toạ độ (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105° , múi chiếu 3°): X = 22197334; Y = 541722

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

1.2. Bố trí nhà để máy phát điện cách xa khu vực khu vực nhà điều hành, khu nhà nghỉ của công nhân.

1.3. Trồng cây xanh xung quanh khu vực trang trại nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giẻ lau, bao tay dính hóa chất/dầu mỡ	18 02 01	25
2	Thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa đựng thuốc sát trùng, chế phẩm khử mùi, hóa chất xử lý môi trường	18 01 03	50
3	Bơm kim tiêm đã qua sử dụng hoặc dính các thành phần lây nhiễm nguy hại	13 02 01	5
4	Bao bì mềm (bao gồm bao bì thuốc thú y, bảo vệ thực vật)	18 01 01	92,5
5	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình sát trùng xe, chuồng trại)	14 02 02	105
6	Hộp mực in thải	08 02 04	2,5
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5
Tổng khối lượng			285

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp (chăn nuôi) thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Phân lợn	3.384.300
2	Bao bì thức ăn, vỏ bọc giống cây, thức ăn dư thừa	1.500
3	Lợn chết không do dịch bệnh	1.100
	Tổng	3.386.900

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	38,5
Tổng khối lượng		38,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 100 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 6 m²; phân lưu giữ CTNH có diện tích 3m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ bê tông và lát nền vữa xi măng chống thấm, tường xây gạch cao khoảng 2,8m, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển cảnh báo.

- Kho lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- 02 hệ thống thu phân tự động từ chuồng nuôi
- 03 hố huỷ xác có kích thước mỗi hố 6m × 9m × 4m. Xác lợn được xử lý bằng vi sinh an toàn với môi trường, đảm bảo theo QCVN 01-41:2011/BNNTNT
- Về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật ban hành kèm theo Thông tư số 33/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

2.2.2. Kho lưu giữ:

- Xây dựng nhà kho lưu chứa phân và bùn thải được bố trí bên cạnh mỗi dãy chuồng nuôi gồm 02 nhà chứa phân có diện tích 113,4m² có chức năng lưu chứa và ủ phân.

- Cấu tạo: Nhà chứa phân được xây dựng kiên cố, xung quanh được xây bao quanh bằng tường gạch, phần trên là tôn nên đảm bảo không cháy, có mái che kín

nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải; nền dốc để thu gom nước rỉ phân dẫn về Biogas để xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa:* Thùng có nắp đậy loại 50 lít

2.3.2. *Kho lưu chứa:*

- Xây dựng 01 kho lưu chứa chất thải có diện tích 6 m²; phần lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 3m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được đổ nền bê tông chống thấm, tường xây gạch; mái tôn; có vách ngăn cách ly với phần chứa các loại chất thải khác.

- Khu vực tập kết chất thải sinh hoạt được phun khử mùi hằng ngày.

2.4. Chuyển giao chất thải

- Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn chăn nuôi, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng xử lý.

- Việc sử dụng phân thải chuồng trại và bùn thải làm phân bón phải tuân thủ quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Việc vận chuyển chất thải chăn nuôi phải tuân thủ quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 51 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định vệ sinh thú y.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với nước thải, khí thải.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố lộn chết do dịch bệnh và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2022
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Dự án xây dựng Trang trại chăn nuôi, sản xuất rau, hoa quả sạch Ngôi Sao tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư phát triển Nông thôn Miền Tây đã hoàn thành, hạng mục, công trình phục vụ công suất chăn nuôi lợn nái 6.000 con/năm, lợn con 150.000 con/năm. Giai đoạn tiếp theo, Công ty phải tiếp tục hoàn thiện các hạng mục công trình cho toàn dự án, gồm:

1. Hạng mục trồng cây xanh tại khu vực khuôn viên cây xanh, khu vực trồng cây xanh cảnh quan.

2. Hạng mục, công trình phục vụ chăn nuôi:

- Sân bóng đá diện tích 1.462,50m²; Nhà nghỉ công nhân diện tích 803,6m²; Nhà nghỉ kỹ thuật diện tích 372,4m² (tại Khu trại lợn nái quy mô 3.600 con);

- Sân bóng đá diện tích 780m²; Nhà nghỉ công nhân diện tích 401,8m²; Nhà nghỉ kỹ thuật diện tích 372,4m² (Khu trại lợn nái quy mô 2.400 con).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn phát sinh trong quá trình xây dựng các hạng mục còn lại: Sân bóng đá, nhà nghỉ công nhân và nhà nghỉ kỹ thuật.

2. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy trình tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải và chuồng trại làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.